

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
kèm theo
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	03-05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06-07
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
· Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08-11
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13- 14
· Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15-37

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 16 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16/09/2014 là 29.550.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) tương đương 2.955.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp điện.

2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch
- Ông Hoàng Anh Tú	Phó Chủ tịch
- Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
- Ông Vi Trung Sơn	Thành viên
- Ông Hoàng Như Đô	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc
- Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

3. Trụ sở và cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại lô 55, đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	100%

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn

Giám đốc

11/2/2016 8:00 AM

Số: 67/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi Công ty TNHH PKF Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1*

Trần Thanh Phương

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1616-2015-242-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.667.313.223	46.401.528.177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	9.216.729.588	1.682.211.398
1. Tiền	111		9.216.729.588	1.682.211.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.559.406.949	15.024.786.171
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	16.291.366.348	13.928.318.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	258.712.362	1.087.503.467
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.5	9.328.239	8.963.754
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.6	16.809.612.546	28.632.138.045
1. Hàng tồn kho	141		16.809.612.546	28.632.138.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.564.140	1.062.392.563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.9	1.875.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.689.140	1.062.392.563
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		40.000.000	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.909.123.867	10.590.032.677
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		9.909.123.867	10.590.032.677
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	9.840.046.030	10.512.128.384
- Nguyên giá	222		11.882.667.793	11.846.667.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.042.621.763)	(1.334.539.409)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	69.077.837	77.904.293
- Nguyên giá	228		112.752.000	112.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.674.163)	(34.847.707)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.576.437.090	56.991.560.854

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.789.118.471	27.357.258.301
I. Nợ ngắn hạn	310		22.789.118.471	27.357.258.301
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	17.439.274.145	18.786.086.828
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.12	270.000.000	725.328.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.13	229.844.326	132.857.275
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	-	412.986.198
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.10	4.850.000.000	7.300.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.14	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.10	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.787.318.619	29.634.302.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	29.787.318.619	29.634.302.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		237.318.619	84.302.553
	421a		16.272.986	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		221.045.633	84.302.553
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.576.437.090	56.991.560.854

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hồng



Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B02-DN/DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	67.603.311.138	59.583.985.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67.603.311.138	59.583.985.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	61.331.890.285	52.696.742.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.271.420.853	6.887.242.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	12.567.617	11.516.319
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	53.784.763	196.328.442
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.784.763	196.328.442
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	5.806.916.752	6.067.788.716
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		423.286.955	634.641.687
12. Thu nhập khác	31	VII.6	31.500.000	538
13. Chi phí khác	32	VII.7	-	6
14. Lợi nhuận khác	40		31.500.000	532
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		454.786.955	634.642.219
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	151.650.579	139.387.275
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>303.136.376</u>	<u>495.254.944</u>
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		303.136.376	495.254.944
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		103	171
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Hoàng Thị Hồng

Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Mến

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016



Hoàng Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		454.786.955	634.642.219
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		716.908.810	657.038.582
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.567.617)	(11.516.319)
- Chi phí lãi vay	06		53.784.763	196.328.442
- Các khoản điều chỉnh khác				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay	08		1.212.912.911	1.476.492.924
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(914.888.340)	(499.054.288)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.822.525.499	(6.903.625.340)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.056.939.734)	6.370.116.614
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.875.000)	(162.208.361)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh				
- Tiền lãi vay đã trả	13		(53.784.763)	(196.328.442)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(50.393.317)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.007.950.573	34.999.790
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.000.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.567.617	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.432.383)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**Mẫu số B03-DN/HN****Theo phương pháp gián tiếp**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.071.550.000	13.970.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.521.550.000)	(15.593.537.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.450.000.000)	(1.623.537.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.534.518.190	(1.588.537.210)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.682.211.398	3.270.748.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		9.216.729.588	1.682.211.398

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Hoàng Thị Hồng

Trần Thị Hồng Mến**Hoàng Hữu Tuấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003 và được đăng ký thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 7 vào ngày 16 tháng 09 năm 2014

Trụ sở chính của Công ty tại lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ của Công ty: theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16/09/2014 là 29.550.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) tương đương 2.955.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực chủ yếu của Công ty là Xây lắp điện.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện thế 35KV; San lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán lương thực, hàng nông lâm thủy sản, phân bón nông nghiệp;
- Sản xuất các mặt hàng nhựa, cơ khí xuất khẩu; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in; Vận tải hàng hóa và khách hàng theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Khai thác, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị ngành công trình.

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có công ty con là: Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0601044805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở tại số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0601044805, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2014 là 25.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2015:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	100%	100%

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

5. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên doanh, liên kết được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	100%

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty/Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Khấu hao trích theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03-20 năm
- Máy móc thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	25 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

7. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

AC
TV
M
THS
95.3000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu xây lắp điện được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lập báo cáo bộ phận theo quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là: xây lắp điện.

Khu vực địa lý hoạt động của công ty chủ yếu ở Nam Định và Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	158.218.354	318.353.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.058.511.234	1.363.858.068
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	9.216.729.588	1.682.211.398

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	16.291.366.348	-	13.928.318.950	-
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	15.386.224.346	-	9.135.908.603	-
<i>Công ty Điện lực Phú Thọ</i>	8.428.976.456	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Nam Phú</i>	2.027.988.409	-	-	-
<i>Công ty Điện lực Nam Định</i>	1.900.466.354	-	6.758.778.018	-
<i>Công ty Điện lực Thái Bình</i>	3.028.793.127	-	2.377.130.585	-
Phải thu khách hàng khác	905.142.002	-	4.792.410.347	-
Cộng	16.291.366.348	-	13.928.318.950	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)				
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan				

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Khánh Phong	147.023.362	-
- Các Công ty khác	111.689.000	1.087.503.467
Cộng	258.712.362	1.087.503.467

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.328.239	-	8.963.754	-
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	9.328.239	-	8.963.754	-
b) Dài hạn				
Cộng	9.328.239	-	8.963.754	-

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	15.116.147.894	-	16.861.442.220	-
Công cụ, dụng cụ	22.666.667	-	31.166.667	31.166.667
Chi phí SXKD dở dang	1.670.797.985	-	11.739.529.158	-
Cộng	16.809.612.546	-	28.632.138.045	31.166.667



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

7. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.592.897.482	1.874.749.995	743.086.905	93.076.264	1.542.857.147	11.846.667.793
Tăng trong năm				36.000.000		36.000.000
- <i>Mua trong năm</i>				36.000.000		36.000.000
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm	7.592.897.482	1.874.749.995	743.086.905	129.076.264	1.542.857.147	11.882.667.793
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	29.863.291	1.191.965.095	54.634.759	58.076.264		1.334.539.409
Tăng trong năm	342.553.045	200.312.262	149.217.047	16.000.000		708.082.354
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	342.553.045	200.312.262	149.217.047	16.000.000		708.082.354
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm	372.416.336	1.392.277.357	203.851.806	74.076.264		2.042.621.763
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	7.563.034.191	682.784.900	688.452.146	35.000.000	1.542.857.147	10.512.128.384
2. Tại ngày cuối năm	7.220.481.146	482.472.638	539.235.099	55.000.000	1.542.857.147	9.840.046.030



Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Bản quyền bằng sáng chế	Quyền phát hành	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			112.752.000	-		112.752.000
Tăng trong năm	-	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	112.752.000	-		112.752.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			34.847.707			34.847.707
Tăng trong năm	-	-	8.826.456	-		8.826.456
- Số khấu hao trong năm			8.826.456			8.826.456
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	43.674.163	-		43.674.163
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	77.904.293	-		77.904.293
2. Tại ngày cuối năm	-	-	69.077.837	-		69.077.837

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.875.000	-
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.875.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.875.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 NGƯỜI CHỨC ĐÓNG CHỮ
 K
 T N
 AN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

D. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	4.850.000.000	4.850.000.000	14.071.550.000	16.521.550.000	7.300.000.000	300.000.000	
Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	5.521.550.000	5.821.550.000	300.000.000	300.000.000	
Vay cá nhân (*)	4.850.000.000	4.850.000.000	8.550.000.000	10.700.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
Cộng	4.850.000.000	4.850.000.000	14.071.550.000	16.521.550.000	7.300.000.000	7.300.000.000	

(*) Vay cá nhân theo hợp đồng:

- Vay ngắn hạn Bà Phạm Thị Oanh theo hợp đồng vay số 01/2015 ngày 05 tháng 01 năm 2015 số tiền là 1.100.000.000 đồng.
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Hải Hường theo hợp đồng số 03/2015 ngày 06 tháng 01 năm 2015 số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Tuấn theo hợp đồng số 04/2015 ngày 06 tháng 01 năm 2015 số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Trần Thị Hiền theo hợp đồng số 05/2015 ngày 07 tháng 01 năm 2015 số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Đào theo hợp đồng số 06/2015 ngày 07 tháng 01 năm 2015 số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thanh Hà theo hợp đồng số 07/2015 ngày 28 tháng 01 năm 2015 số tiền 850.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Nhung theo hợp đồng số 12/2015 ngày 07 tháng 05 năm 2015 số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Ngân theo hợp đồng số 14/2015 ngày 30 tháng 06 năm 2015 số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Bà Ngô Thị Tân theo hợp đồng số 16/2015 ngày 12 tháng 10 năm 2015 số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
- Vay ngắn hạn Ông Hoàng Hữu Tài theo hợp đồng số 17/2015 ngày 23 tháng 11 năm 2015 số tiền 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.



Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.439.274.145	17.439.274.145	18.786.086.828	18.786.086.828
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	12.526.965.221	12.526.965.221	9.973.426.315	8.788.963.700
<i>Công ty Bê tông đúc sẵn Hà Nam</i>	<i>1.789.676.865</i>	<i>1.789.676.865</i>	<i>1.184.462.615</i>	
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Nam Phú</i>	<i>4.239.366.584</i>	<i>4.239.366.584</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà</i>	<i>6.497.921.772</i>	<i>6.497.921.772</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tổng hợp Hoàng Long</i>	-	-	3.452.423.700	3.452.423.700
<i>Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thương mại Phúc Thịnh</i>	-	-	2.208.800.000	2.208.800.000
<i>Công ty Cổ phần Chế tạo Máy biến áp MIBA</i>	-	-	3.127.740.000	3.127.740.000
Các khoản phải trả người bán khác	4.912.308.924	4.912.308.924	8.812.660.513	8.812.660.513
Cộng	17.439.274.145	17.439.274.145	18.786.086.828	17.601.624.213

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dự án thành phố Nam Định	-	202.968.000
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ</i>	<i>270.000.000</i>	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	-	522.360.000
Cộng	270.000.000	725.328.000

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	-	6.914.238.219	6.756.041.472	158.196.747
- Thuế TNDN	132.857.275	298.549.441	359.749.537	71.657.179
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	66.448.000	66.448.000	-
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	132.857.275	7.285.235.660	7.188.239.009	229.853.926
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	-	-	20.000.000	20.000.000
- Thuế TNDN	-	-	20.000.000	20.000.000
Cộng	-	-	40.000.000	40.000.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải trả, phải nộp khác	-	412.986.198
Cộng	-	412.986.198



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	28.750.000.000	-	-	100.000.000	-	738.887.673	29.588.887.673
Tăng vốn năm trước	800.000.000	-	-	-	-	-	800.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	495.254.944	495.254.944
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	100.000.000	-	1.149.840.064	1.249.840.064
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.149.840.064	1.149.840.064
Giảm khác	-	-	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Số dư cuối năm trước	29.550.000.000	-	-	-	-	84.302.553	29.634.302.553
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	303.136.376	303.136.376
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	150.120.310	150.120.310
Số dư cuối năm nay	29.550.000.000	-	-	-	-	237.318.619	29.787.318.619

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ		-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	29.550.000.000	29.550.000.000
Cộng		29.550.000.000	29.550.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	29.550.000.000	28.750.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	800.000.000
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	29.550.000.000	29.550.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận kế toán sau thuế	303.136.376	495.254.944
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông		
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	2.955.000	2.895.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	103	171

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	3.752.739.290	4.065.355.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	63.850.571.848	55.518.630.072
Cộng	67.603.311.138	59.583.985.072

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán thành phẩm	3.190.029.167	3.182.571.584
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	58.141.861.118	49.514.170.962
Cộng	61.331.890.285	52.696.742.546

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	12.567.617	11.516.319
Cộng	12.567.617	11.516.319

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	53.784.763	196.328.442
Cộng	53.784.763	196.328.442

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	31.500.000	538
Cộng	31.500.000	538

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản chi phí khác	-	6
Cộng	-	6

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	5.806.916.752	6.067.788.716
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	4.289.047.280	3.286.313.389
- Chi phí nhân công quản lý	3.745.315.000	2.867.856.300
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.732.280	418.457.089
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.517.869.472	2.781.475.327
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:	-	-
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	-	-
- Các chi phí bán hàng khác	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	-
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	-
- Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng	5.806.916.752	6.067.788.716

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	454.786.955	634.642.219
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	234.533.859	-
+ Khoản lỗ công ty con	234.533.859	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	689.320.814	634.642.219
Thuế suất thuế TNDN	22%&20%	22%&20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	151.650.579	139.387.275

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.240.960.631	40.929.677.192
Chi phí nhân công	12.783.579.900	4.776.840.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.908.810	623.566.993
Chi phí mua ngoài	2.580.873.080	16.052.735.023
Chi phí bằng tiền khác	947.754.926	3.233.083.349
Cộng	43.270.077.347	65.615.902.557

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

IX. Những thông tin khác

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Bán vật tư	Hợp đồng xây lắp điện	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.752.739.290	63.850.571.848	-	67.603.311.138
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.190.029.167	58.141.861.118		61.331.890.285
Giá vốn	3.752.739.290	63.850.571.848	-	67.603.311.138
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	562.710.123	5.708.710.730	-	6.271.420.853
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				5.806.916.752
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				464.504.101
Doanh thu hoạt động tài chính				12.567.617
Chi phí tài chính				53.784.763
Thu nhập khác				31.500.000
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				151.650.579
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				303.136.376
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				36.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				2.516.806.353
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

Năm trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Bán vật tư	Hợp đồng xây lắp điện	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.065.355.000	55.518.630.072	-	59.583.985.072
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.065.355.000	55.518.630.072	-	59.583.985.072
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	882.783.416	6.004.459.110	-	6.887.242.526
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				6.067.788.716
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				819.453.810
Doanh thu hoạt động tài chính				11.516.319
Chi phí tài chính				196.328.442
Thu nhập khác				538
Chi phí khác				6
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				139.387.275
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				495.254.944
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				35.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				631.066.993
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

42 11 21 00 4 NA P 11 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Dịch vụ	TỔNG CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.851.835.686	31.507.855.570	-	33.359.691.256
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				19.216.745.834
Tổng tài sản				52.576.437.090
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	983.062.631	16.726.211.514	-	17.709.274.145
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.079.844.326
Tổng nợ phải trả				22.789.118.471
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.978.056.169	40.669.904.293	-	43.647.960.462
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				13.343.600.392
Tổng tài sản				56.991.560.854
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.331.244.087	18.180.170.741		19.511.414.828
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.845.843.473
Tổng nợ phải trả				27.357.258.301

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay

Chỉ tiêu	Thái Bình	Nam Định	Hà Nam	Phú Thọ	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	37.500.541.535	14.194.011.333	3.660.627.855	12.248.160.415	67.603.341.138
Tài sản bộ phận	5.496.732.926	2.080.521.674	536.565.416	1.795.303.851	9.909.123.867
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ		36.000.000			36.000.000

Năm trước

Chỉ tiêu	Thái Bình	Nam Định	Hà Nam	Phú Thọ	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	18.457.074.910	25.402.057.753	15.724.852.409	-	59.583.985.072
Tài sản bộ phận	3.280.428.897	4.514.780.630	2.794.823.150	-	10.590.032.677
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	9.058.511.234	1.363.858.068
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.300.694.587	13.937.282.704
Cộng	25.359.205.821	15.301.140.772

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	4.850.000.000	-		4.850.000.000
Phải trả người bán	17.439.274.145			17.439.274.145
Số đầu năm				
Các khoản vay	7.300.000.000	-		7.300.000.000
Phải trả người bán	18.786.086.828			18.786.086.828
Phải trả khác	412.986.198	-		412.986.198

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN/HN

4.5 Giá trị hợp lý

Đơn vị tính: VND

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi số

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi số được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.216.729.588	9.216.729.588	1.682.211.398	1.682.211.398
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.300.694.587	(*)	13.937.282.704	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(4.850.000.000)	(4.850.000.000)	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(17.439.274.145)	(17.439.274.145)	(19.199.073.026)	(19.199.073.026)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.228.150.030	(*)	(10.879.578.924)	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi số do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5 . Thông tin về các bên liên quan

a) Trong năm 2015 Công ty có các giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Công ty con	Bán vật tư điện	935.308.888
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Công ty con	Mua phụ cật, vật tư	757.637.100

b) Tại ngày 31/12/2015 số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư tại 31/12/2015 (VND)
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Công ty con	Phải thu khách hàng	177.452.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Công ty con	Phải trả người bán	1.363.875.700

c) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc	103.440.000
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc	89.040.000
Bà Trần Thị Hồng Mến	Kế toán trưởng	78.900.000

6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hồng

Trần Thị Hồng Mến



Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Giám đốc

Hoàng Hữu Tuấn

